

TÔN GIÁO TRONG THỜI HIỆN ĐẠI: THẾ TỤC HÓA HAY PHI THẾ TỤC HÓA?

NGUYỄN XUÂN NGHĨA^(*)

Trong một thời gian dài, khi tìm hiểu vai trò của tôn giáo trong thời hiện đại, các nhà khoa học xã hội đã cho rằng có một tương quan chặt chẽ giữa hiện tượng thế tục hóa và tính hiện đại. Ấy vậy mà, trong thời gian gần đây, với các hiện tượng tôn giáo mới xuất hiện ở nhiều nước trên thế giới, với sự bùng nổ của các vấn đề tôn giáo trong các tranh chấp chính trị quốc tế hiện nay, các nhà nghiên cứu đã tạo ra những thuật ngữ như phi thế tục hóa (désécularisation), phản thế tục hóa (contre-sécularisation)⁽¹⁾ để giải thích sự trở dậy của các hiện tượng tôn giáo này.

Lí thuyết thế tục hóa cho đến những năm 1980⁽²⁾

Ngay từ khi khai sinh, một chủ đề lớn của xã hội học tôn giáo là vấn đề thế tục hóa. Không chỉ các nhà xã hội học tôn giáo cổ điển như E. Durkheim hay M. Weber quan tâm đến hiện tượng thế tục hóa mà có thể nói rằng thế tục hóa được suy nghĩ từ những nhà triết học thuộc thế kỉ ánh sáng. Thuật ngữ này mặc dù luôn được tranh cãi và thay đổi nhưng có thể hiểu một cách đơn giản “*như là quá trình qua đó tôn giáo giảm tầm quan trọng trong cả bình diện xã hội và trong ý thức của những cá nhân*”⁽³⁾. Hầu hết những nhà nghiên cứu hiện tượng này đều chia sẻ quan điểm thế tục hóa là hậu quả của quá trình hiện đại hóa. Nói cách

khác có mối quan hệ giữa tính hiện đại và tôn giáo, nhưng mối quan hệ này là nghịch biến. Tính hiện đại càng phát triển, tôn giáo càng biến mất. Sở dĩ có chủ trương như vậy là do những lí do sau: Tư duy khoa học hiện đại càng phát triển, con người càng hiểu được và điều hành thế giới một cách hiệu quả và như vậy “cái siêu tự nhiên” càng ngày càng thu nhỏ lại. Đó là cái mà M. Weber gọi là “sự giải mê thế giới” - thế giới không còn bí ẩn, linh thiêng để con người kính phục và quy phục. Thêm vào đó quá trình phân biệt hóa định chế - mô hình lí thuyết mà T. Parsons đề cao - làm cho định chế tôn giáo mất vai trò chủ đạo và bao trùm. Sự tách biệt nhà nước và giáo hội trong các chế độ dân chủ hiện đại làm cho việc thuộc về một tôn giáo nào chỉ là vấn đề tự nguyện của cá nhân. Còn

*. TS, Đại học Mở – Bán công Tp. Hồ Chí Minh.

1. P. Berger (ed.). *The Desecularization of the World: Resurgent Religion and World Politics*, Grand Rapids: Eerdmans, 1999 và bản dịch tiếng Pháp của Jean-Luc Pouchier: *Le réenchantement du monde* (sous la direction de P. L. Berger, Paris, Bayard éd., 2001, tr. 4.

2. Vì không gian bài báo có giới hạn, chúng tôi không đề cập lại một số luận điểm trong hai bài viết trước đây: Nguyễn Xuân Nghĩa. *Tôn giáo và quá trình thế tục hóa*, Tạp chí *Xã hội học*, số 1, 1996, tr. 8-14; và *Định nghĩa về tôn giáo và những hệ luận trong nghiên cứu quá trình thế tục hóa*, Tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo*, 2-2002, tr. 21-27.

3. P. Berger. *Reflections on the Sociology of Religion today*, *Sociology of Religion*, Winter, 2001.

có thể kể thêm những nhân tố khác như quá trình di dân, đô thị hóa và truyền thông đại chúng đã phá vỡ lối sống truyền thống của các cộng đồng.

Chính từ những luận điểm trên mà đa phần các nhà xã hội học tôn giáo đều cho rằng thế tục hóa là hệ quả tất yếu của quá trình hiện đại hóa và tiên đoán sự tàn lụi của tôn giáo. Vào đầu thế kỉ XX, A.E. Crawley viết: “Ở mọi nơi, quan điểm đang thắng thế là tôn giáo hoàn toàn chỉ là vết tích từ thời kì...nguyên thủy và sự lụi tàn của tôn giáo chỉ là vấn đề thời gian”⁽⁴⁾. Năm 1968, Peter Berger - một trong những nhà xã hội học tôn giáo nổi tiếng và là một trong những cột trụ của lí thuyết thế tục hóa - đã phát biểu trên tờ báo *New York Times*: “Vào thế kỉ XXI, các tín đồ tôn giáo có thể chỉ còn được tìm thấy trong các giáo phái nhỏ, họ tùm tùm sống với nhau để kháng cự lại một nền văn hóa thế tục có tính toàn cầu”⁽⁵⁾.

Ấy vậy mà, cũng chính Peter Berger trong cuốn sách gần đây đã viết: “Ý tưởng cho rằng chúng ta đang sống trong một thế giới thế tục hóa là sai lầm. Thế giới ngày nay, với một vài ngoại lệ, vẫn mang tính tôn giáo dữ dội như trong quá khứ”⁽⁶⁾.

Các luận điểm chống lại lí thuyết thế tục hóa

Trong những người chống lại lí thuyết thế tục hóa, có những người chủ trương ôn hòa như P. Berger, nhưng cũng nhiều tác giả phê phán lí thuyết thế tục hóa rất gay gắt như W.H Swatos, R. Stark, L. Hadden. Một điểm khá lí thú, những nhà xã hội học chủ trương thế tục hóa thường đều xuất thân từ Âu Châu trong khi đại bộ phận những người phê phán lí thuyết thế tục hóa là những nhà

nghiên cứu khoa học xã hội Mỹ. Như sẽ trình bày ở phần sau, có lẽ các tác giả này suy tư và phản ánh từ nền văn hóa và xã hội mà họ xuất thân.

Những người phê phán lí thuyết thế tục hóa gay gắt như R. Stark, Swatos, J. Hadden lập luận, lí thuyết thế tục hóa là một chủ thuyết (doctrine) hơn là một lí thuyết (theory) khoa học vì nó đặt trên những tiên giả định của một hệ ý thức được xem là bất biến. Một lí thuyết phải là một hệ thống các khái niệm chặt chẽ, nhưng lí thuyết thế tục hóa đã không cho thấy điều đó.

Năm 1966, nhà xã hội học tôn giáo nổi tiếng người Anh Bryan Wilson, trong cuốn sách *Tôn giáo trong xã hội thế tục* đã viết nước Anh hiện nay ít tính tôn giáo hơn là cách đây một trăm năm. Và trên lập luận này, những người chống lí thuyết thế tục hóa phản bác lại, họ cho rằng lí thuyết thế tục hóa đã dựa trên những dữ kiện không có cơ sở. Lí thuyết thế tục hóa giả định con người trong thế giới hôm nay ít mang tính tôn giáo hơn con người trong quá khứ và “những nhà xã hội học Châu Âu này đã lãng mạn hóa quá khứ tôn giáo ở quê hương của họ”⁽⁷⁾. Các tác giả chống lại lí thuyết thế tục hóa đã lập luận và đưa ra những dữ kiện cho thấy tỉ lệ tham gia các lễ nghi tôn giáo ở các nước Bắc và Tây Âu là rất thấp trong nhiều thế kỉ trước quá trình

4. A.E. Crawley. *The tree of life*, London, Hutchinson, 1905, p. 8.

5. Peter Berger. *A bleak outlook is seen for religion*, *New York Times*, 25 April 1968, p. 3.

6. P. Berger. *La désécularisation du monde: un point de vue global* trong *Le réenchancement du monde* (sous la direction de P. L. Berger, Paris, Bayard éd., 2001, tr. 15.

7. W. H. Swatos. *Secularization theory: the course of a concept*, *Sociology of Religion*, Fall, 1999.

hiện đại hóa; và không nhất thiết số lượng tín đồ phải giảm khi xã hội phát triển, lấy thí dụ ở Mỹ - đất nước được xem là hiện đại nhất - tỉ lệ tín đồ tham gia các lễ nghi, sinh hoạt tôn giáo vẫn rất cao, hơn thế nữa tỉ lệ các thành viên của các giáo hội đã gia tăng gấp ba lần so với cách nay 150 năm: vào thời Cách mạng Mỹ, chỉ 17% người Mỹ thừa nhận mình là thành viên của một giáo phái nhất định, đến năm 1850, tỉ lệ này là 34% và ngày nay là khoảng 68%⁽⁸⁾. Và cũng không thể nói rằng các nước ở Châu Âu có mức độ thế tục hóa cao khi mà đại bộ phận quần chúng vẫn tin có Thượng Đế. Có lẽ như nhận xét của nhà nữ xã hội học Grace Davie, vấn đề quan trọng về tôn giáo ở Châu Âu không phải là tại sao quần chúng không còn tin nữa mà vấn đề là tại sao họ “*vẫn còn tin nhưng cảm thấy không cần thiết phải tham gia ở mức tối thiểu vào các định chế tôn giáo?*”⁽⁹⁾.

Trên bình diện cá nhân, sự tham gia các lễ nghi tôn giáo giảm nhưng niềm tin vào Thượng Đế, vào sự tồn tại của linh hồn, kiếp sau vẫn không hề giảm. Lấy thí dụ ở Băng Đảo (Iceland), quốc gia được xem bị thế tục hóa nhất bởi lẽ tỉ lệ tín đồ đi nhà thờ hàng tuần chỉ còn 2%, nhưng theo cuộc điều tra những giá trị trên thế giới (World Value Surveys) năm 1990, 88% cư dân ở đây tin con người có linh hồn, 81% vẫn tin vào kiếp sau, 82% vẫn còn cầu nguyện ngoài các lễ nghi tôn giáo và chỉ 2,4% cư dân xác tín mình là người vô thần⁽¹⁰⁾.

Nếu thế tục hóa đi đôi với khoa học, thì điều này cũng phải thể hiện ở chính những nhà khoa học. Ở Mỹ, tỉ lệ những nhà khoa học trong những lĩnh vực có tính chính xác cao (vật lý, khoa học tự nhiên, toán học...) tự khẳng định mình là

người có tôn giáo cao hơn những nhà khoa học xã hội (nhân học, tâm lí học...)⁽¹¹⁾.

Cũng theo các tác giả này, hiện tượng thế tục hóa cũng không diễn biến theo đường thẳng và không thể đảo ngược. Ở những nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trước đây, tình hình tôn giáo nay cũng có những thay đổi. Ở Hungary tỉ lệ số tín đồ đi nhà thờ mỗi tháng một lần tăng từ 16% năm 1981 lên 25% vào năm 1991. Ở Nga, vào năm 1991, 53% người trả lời là không có tôn giáo, nhưng 5 năm sau tỉ lệ này chỉ còn là 37%⁽¹²⁾.

Trên bình diện thế giới, những người chống lại lí thuyết thế tục hóa, đưa ra các dữ kiện về việc phát triển của tôn giáo trên các châu lục: sự phát triển của các giáo phái Tin Lành ở Nam Mỹ, Châu Phi, Hàn Quốc và ngay cả Trung Quốc⁽¹³⁾; sự phát triển của Hồi giáo, và đối lập với luận đề của lí thuyết thế tục hóa, Hồi giáo vẫn có thể tương hợp với quá trình hiện đại hóa (như ở Indônêsi, Thổ Nhĩ Kỳ...); các tôn giáo dân gian vẫn phát triển ở các nước Châu Á như Đài Loan, Hồng Kông và ngay ở Nhật Bản - một trong những xã hội hiện đại nhất thế giới - Thần đạo phát triển hơn cả thời kì trước Thế chiến thứ hai. “*Đây là điều rất*

8. R.Finkle và R. Stark. *The churching of America, 1776-1990: Winners and losers in our religious economy*, New Jersey, Rutgers Univ. Press, 1992.

9. Grace Davie. *Believing without belonging: Is this the future of religion in Britain*, *Social Compass*, 1990, 37, 455-60. 395.

10. R. Stark. *Secularization, R.I.P (rest in peace)*, *Sociology of Religion*, Fall - 1999.

11. R. Stark và t.gk. *Rationality and religious mind*, *Economic Inquiry*, 1998, 37, pp. 373-389.

12. R. Stark. *Secularization, R.I.P (rest in peace)*, bđd.

13. David Martin. *La poussée évangéliste et ses effets politiques* trong P. Berger, 2001, Sđd, tr. 61-78.

phổ biến, người ta đem xe hơi mới mua đến làm phép tại các đền Thần đạo; nhà ở, công sở, nhà xưởng mới chỉ được xây cất khi đã làm các lễ nghi trừ tà để tẩy rửa và xin thần đất sự an bình...⁽¹⁴⁾.

Về mặt lí thuyết, những người chống lại lí thuyết thế tục hóa đã ứng dụng *mô hình về thị trường tôn giáo* (model of religious “markets”) và *lí thuyết sự chọn lựa hợp lí* (rational-choice theory, viết tắt RCT) của hành động con người vào lĩnh vực tôn giáo, để giải thích tại sao tôn giáo vẫn tồn tại nói chung và tại sao tôn giáo vẫn có sức sống trong các xã hội hiện đại nhất như Mỹ, Nhật Bản. Cả hai lí thuyết đều thống nhất về khái niệm “nền kinh tế tôn giáo”, đều xem các giáo hội như là những “xí nghiệp”, tôn giáo tranh giành tín đồ trong một thị trường tôn giáo. Theo những tác giả này, cái gọi là “thế tục hóa” chỉ là hậu quả đương nhiên của những độc quyền tôn giáo - những tôn giáo được nhà nước tài trợ. Cũng như trong mọi lĩnh vực, những định chế độc quyền thường không đáp ứng những nhu cầu của “người tiêu thụ”. Trong các thị trường đóng, các tôn giáo mất đi sự cạnh tranh, ngược lại trong xã hội Mỹ vận hành với thị trường mở, trong một cơ cấu đa nguyên và mềm dẻo, các giáo hội có được sự tham gia nhộn nhịp của các tín đồ vì họ đã hoạt động để lôi kéo “khách hàng”.

Các tác giả theo *lí thuyết sự chọn lựa hợp lí* đã lấy lại một lập luận của những nhà kinh tế học rằng hàng chục năm qua thị trường hoạt động tốt là do hàng triệu quyết định của những người sản xuất và những người tiêu thụ, nhưng tất cả những quyết định này mang tính duy lí vì dựa trên tính toán lợi ích và phí tổn (benefit and cost - được lợi gì và mất mát

những gì). Như vậy tiền đề chính của lí thuyết này là cá nhân luôn hành động hợp lí bằng cách so sánh lợi hại của mọi hành vi và đưa ra quyết định nào tối đa hóa nhất quyền lợi của mình. Lí thuyết này giải thích được tại sao các thị trường tôn giáo hoạt động như vậy: vì con người luôn hành động theo sự tính toán hợp lí. Theo lập luận của các tác giả này, con người chọn lựa tín ngưỡng, tôn giáo của mình cũng trên cơ sở tính toán hợp lí cái được (sự an tâm về mặt tâm lí, ý nghĩa cuộc đời, tình đồng đạo...) và cái mất (sự tham gia, tuân thủ các chuẩn mực và các hành vi tôn giáo, đóng góp tiền bạc...), nhằm thỏa mãn nhu cầu nào đó. Con người luôn có nhu cầu về tôn giáo, vì con người có ước muốn vượt qua những hạn chế của thân phận người (ước muốn bất tử, chẳng hạn), nhưng những ước muốn này không hoàn toàn được đáp ứng lại, do đó con người đi tìm những nhân tố đền bù (compensators). Và trong các nhân tố đền bù thì tôn giáo vượt trội các nhân tố thế tục khác vì nó nắm trong tay con bài tẩy về Thượng Đế. Và khi thêm vào yếu tố siêu tự nhiên, tôn giáo càng gia tăng sự thu hút của mình và giảm thiểu các phê phán⁽¹⁵⁾.

Như vậy theo *lí thuyết chọn lựa hợp lí*, hiện tượng thế tục hóa ở Châu Âu là do khủng hoảng về cung (chỉ một vài tôn giáo thống trị) chứ không phải do khủng hoảng về cầu (con người bao giờ cũng có nhu cầu tâm linh).

14. J. Nelson. *Shinto Rituals: Managing chaos in contemporary Japan*, *Ethnos*, 1992, no 57, tr. 77.

15. Về “Mô hình thị trường tôn giáo” và “Lí thuyết sự chọn lựa hợp lí về tôn giáo” có thể xem những công trình của các tác giả R. S. Warner, R. Finke, R. Stark, L.R. Iannaccone... Và các tác giả phê phán các lí thuyết trên, có thể kể đến S Bruce, J. V. Spickard...

Một số quan điểm mới về thế tục hóa trong những năm gần đây

Từ thập niên 90 của thế kỉ XX, trước biểu hiện phức tạp của hiện tượng tôn giáo trong xã hội hiện đại, một số nhà xã hội học đã cố gắng đưa ra các lí giải.

Một số tác giả như Steve Bruce, G. Davie, J. Casanova vẫn dựa trên lí thuyết thế tục hóa “cổ điển” nhưng điều chỉnh cho hợp lí hơn. Riêng D. Hervieu-Léger, nhà nữ xã hội học tôn giáo Pháp nổi tiếng và tài ba hiện nay, đưa ra một lối giải thích khá độc đáo về tôn giáo trong thế giới hiện đại ngày nay.

Trước hết là *quan điểm của S. Bruce*. Tác giả này đã trình bày lại những luận đề cổ điển của lí thuyết thế tục hóa của những nhà xã hội học trụ cột như T. Parsons, P. Berger, B. Wilson. S. Bruce đã giải thích mối tương quan giữa tính hiện đại và sự biến mất đi những hình thái truyền thống của tôn giáo. Chính thời Cải cách (Réforme) là mấu chốt của quá trình này khi nó đề cao chủ nghĩa cá nhân và lí tính. Quá trình này đến nay kéo dài cả bốn thế kỉ, trong đó hơn ba trăm năm những đối đầu và đụng độ tôn giáo đã chi phối đời sống chính trị, văn hóa và quân sự ở Châu Âu. Những sự đối đầu do bất đồng quan điểm về bản chất của Thượng Đế và mối tương quan giữa tín đồ với Chúa Trời (nhất là quan điểm của Công giáo và Tin Lành về con đường cứu độ). Cũng chính trong giai đoạn này hình thành các quốc gia-nhà nước ở Châu Âu. Những sự kiện trên dần dần dẫn đến một sự khoan dung, chấp nhận lẫn nhau giữa các tôn giáo trong một quốc gia và giữa các quốc gia. Nhưng sự khoan dung này dẫn đến một hệ luận về mặt nhận thức: quan niệm về Chúa Trời càng mang tính tương đối và chủ quan. Mỗi cá nhân,

mỗi tôn giáo có sự chọn lựa của mình trong thế giới hiện đại. Nhưng thế giới hiện đại ở đây được hiểu là những xã hội theo mô hình dân chủ Tây phương. Tuy nhiên trên bình diện tôn giáo, các xã hội này cũng rất khác nhau: ở một cực là những nền văn hóa Tin Lành Bắc Âu, với những Giáo hội nhà nước giàu có nhưng ở đây có sự thực hành tôn giáo rất thấp và mức độ về niềm tin cũng không cao - mà Thụy Điển là một trường hợp điển hình. Ở cực kia là Mỹ, cũng thuộc nền văn hóa Tin Lành nhưng có những giáo hội năng động và có mức độ niềm tin tương đối cao. Giữa hai cực là những nền văn hóa Công giáo ở phía Nam Châu Âu. Và lí thuyết thế tục hóa đã được hình thành trong bối cảnh của Châu Âu, nhưng tác động của chủ nghĩa cá nhân và lí tính cũng khác nhau ở các xã hội này. Nhìn chung ở Châu Âu, trong khi có sự phát triển về mặt kinh tế và chính trị thì tôn giáo đã mất đi ảnh hưởng công cộng và vai trò xã hội. Thế tục hóa trở thành một hậu quả không tránh được của quá trình hiện đại hóa. Nhưng làm thế nào giải thích trường hợp Mỹ quốc, nơi có sự chung sống giữa tính tôn giáo năng động và tính hiện đại ở mức độ cao. Mỹ quốc phải chăng là một luật trừ, một ngoại lệ? Hiện nay với sự bùng nổ của nhiều hiện tượng tôn giáo trên thế giới, một số tác giả như D. Martin và P. Berger cho rằng Mỹ không nằm trong ngoại lệ mà ngoại lệ chính là Châu Âu. Quan điểm của S. Bruce cũng muốn chỉ ra rằng hiện tượng thế tục hóa gắn liền với một bối cảnh lịch sử của Châu Âu.

Quan điểm của J. Casanova: Tác giả này thừa nhận mô hình lí thuyết về thế tục hóa là đóng góp lí thuyết chính yếu cho khoa học xã hội để nghiên cứu

những mối tương quan giữa tôn giáo và tính hiện đại. Nhưng theo Casanova để tránh tranh cãi cần phân biệt trong khái niệm này ba cấp độ khác nhau như K. Dobbelaere đã phân biệt⁽¹⁶⁾: cấp độ vĩ mô, trung mô và cấp độ cá nhân. Casanova đã tiến hành nghiên cứu năm trường hợp điển hình: hai ở Châu Âu, hai ở Mỹ và một ở Châu Mỹ Latinh và ông đã rút ra được những nhận định chính như sau. Trước hết, thế tục hóa được hiểu như là quá trình phân biệt hóa định chế: “*Quá trình phân biệt hóa định chế và sự giải phóng những lĩnh vực thế tục đối với những chuẩn mực và những định chế tôn giáo vẫn là một khuynh hướng chính trong các xã hội hiện đại*”⁽¹⁷⁾. Nhưng tính hiện đại không tất yếu dẫn đến giảm sút niềm tin và sự thực hành tôn giáo. Những giáo hội nào kháng cự lại quá trình phân biệt hóa cơ cấu là những giáo hội thích ứng khó khăn với lối sống hiện đại.

Chiều hướng giảm sút của sự thực hành tôn giáo ở Châu Âu, không phải là một hậu quả không thể tránh được của quá trình hiện đại hóa mà đúng hơn là hậu quả của những sự dàn xếp giữa Giáo hội và Nhà nước - hiện tượng đã chi phối lịch sử Châu Âu. Theo Casanova đây chỉ là một hiện tượng đặc biệt của Châu Âu. Trong trường hợp của Giáo hội Tây Ban Nha, trước đây trong một thời gian dài Giáo hội này liên kết với một chế độ độc tài và kháng cự lại những hình thức hiện đại trên lĩnh vực kinh tế và chính trị, điều này đã có những hậu quả tiêu cực trong đời sống tôn giáo. Nhưng từ khi Giáo hội Tây Ban Nha chấp nhận và đi vào một xã hội dân chủ hiện đại, từ những năm 1981-1990, đã có sự sút giảm hơn bất kỳ xã hội nào ở Châu Âu về mặt thực hành tôn giáo và ơn gọi làm linh mục.

Đối với các giáo hội Bắc Âu, nơi đây các giáo hội Tin Lành từ lâu cùng tồn tại với các nền văn hóa đã thế tục hóa một cách ôn hòa và chính đạo Tin Lành đã phi tu sĩ hóa (décléricaliser) giáo hội, do đó không có những căng thẳng chống tu sĩ (anticléric) như vùng Châu Âu latin.

Quan điểm của D. Hervieu-Léger: Hervieu-Léger, trước tiên muốn thoát khỏi ngõ cụt của các định nghĩa trước đây về tôn giáo (định nghĩa bản thể và định nghĩa chức năng) bằng cách tìm những công cụ khái niệm mới để giải thích tôn giáo trong thế giới hiện đại. Và bà đã dần dần hình thành một định nghĩa về tôn giáo như là một hình thái đặc biệt của lòng tin. Định nghĩa này cũng là một loại hình lí tưởng (type idéale) theo phương pháp luận của M. Weber, nhưng không dựa trên nội dung hay ảnh hưởng của tôn giáo (như hai loại định nghĩa cổ điển), mà dựa trên hình thái của hành động tin. D. Hervieu - Léger xem *tôn giáo như là kí ức*⁽¹⁸⁾. Lập luận của bà như sau: a) sự hiện hữu của một thẩm quyền chính đáng về truyền thống; b) có một sợi dây liên kết một tín đồ với một cộng đồng - cộng đồng này quy tụ những thành viên của quá khứ, hiện tại và tương lai; c) truyền thống (hay kí ức tập thể) là nền tảng cho sự hiện hữu của cộng đồng nói trên. Vẫn có thể đặt vấn đề với D. Hervieu - Léger, trong những sợi dây nối kết với truyền

16. K. Dobbelaere. *Secularization: a multi-dimensional concept*, *Current Sociology*, 1981, 29/2.

17. J. Casanova. *Public Religions in the Modern World*, Chicago, University of Chicago Press, 1994, p. 212.

18. Daniele Hervieu-Léger. *Actualités Religieuses dans le Monde*, 15 Mars, 1992, p. 41-45; và D. Hervieu-Léger. *La Religion pour mémoire*. Paris, éd. Du Cerf, 1993.

thống, những sợi dây nào được bao gồm trong định nghĩa tôn giáo, sợi dây nào không.

D. Hervieu-Léger giải thích hiện tượng thế tục hóa như sau: các xã hội hiện đại và đặc biệt là các xã hội Châu Âu, càng ngày càng ít tính tôn giáo không phải do chúng càng ngày càng duy lí mà vì chúng càng lúc càng kém, không có khả năng truyền lại cái kí ức là trung tâm của đời sống tôn giáo. Lập luận này khác biệt với lập luận cho rằng các xã hội Châu Âu đã tìm thấy những giải pháp thay thế thỏa đáng thay cho những hình thức truyền thống của tôn giáo - trước đây là rất quan trọng trong sự hình thành lịch sử.

Trong tác phẩm *Hướng đến một Kitô giáo mới*, D. Hervieu-Léger đã giải thích rằng tự bản chất các xã hội hiện đại đã hủy diệt các hình thức truyền thống của đời sống tôn giáo, cũng như quan điểm của S. Bruce. Nhưng đồng thời tác giả cũng cho rằng, có thể các xã hội hiện đại phá hủy cơ sở tôn giáo truyền thống, nhưng đồng thời chúng cũng mở ra những không gian mà chỉ có tôn giáo mới lấp đầy được. Hervieu-Léger gọi là những không gian “không tưởng” (mơ ước lí tưởng). Cá nhân trong xã hội hiện đại bị thúc đẩy đi tìm kiếm những câu trả lời, những giải pháp, sự tiến bộ. Những mơ ước, khát vọng trở thành một bộ phận bình thường trong kinh nghiệm nhân sinh. Việc thực hiện các khát vọng trên bị đặt thành vấn đề khi việc thực hiện chúng cứ bị đẩy lùi. Bóng dáng của mơ ước lí tưởng vượt quá thực tiễn và các dự phóng của tính hiện đại càng thành công thì khoảng cách với mơ ước lí tưởng càng bị đào sâu. Đó là nghịch lí của tính hiện đại. Nó loại bỏ nhu cầu và

ý nghĩa của tôn giáo trong những hình thức lịch sử truyền thống, nhưng lại phải bảo lưu mối liên hệ với tôn giáo trong những hình thức không tưởng của nó (như cầu về một tương lai mang tính lí tưởng). Các xã hội hiện đại Châu Âu sẽ sử dụng những cơ chế nào để vượt qua chứng mất kí ức (amnésie) và đồng thời vẫn giữ liên hệ với những hình thức tôn giáo cần thiết để bảo lưu bản sắc của mình. Đó là vấn đề mà D. Hervieu - Léger đặt ra.

Bức tranh tôn giáo ở Châu Âu minh họa phần nào lối tiếp cận này. Có một thời Châu Âu có một kí ức chung. Nhưng qua thời gian, kí ức trên bị phân rã thành những kí ức ở quy mô vùng, quốc gia, miền... Và từ những năm 1990, với việc xuất hiện Cộng đồng Châu Âu, phản ứng của các vùng kí ức này rất khác nhau: thái độ khá tích cực của các quốc gia có đại bộ phận cư dân là Công giáo, thái độ dè dặt của các quốc gia có nhiều tín đồ Tin Lành...

Nhìn lại khái niệm thế tục hóa và phản ứng chống thế tục hóa

Theo chúng tôi khái niệm thế tục hóa vẫn còn giá trị và như J. Casanova nhận định mô hình lí thuyết này vẫn là đóng góp lí thuyết chủ yếu để tìm hiểu các mối tương quan giữa tôn giáo và tính hiện đại. Vấn đề là phải biết phân biệt các ngưỡng (threshold), các thành tố, các chiều kích, các cấp độ của khái niệm này. Chúng ta có thể chấp nhận định nghĩa của P. Berger về thế tục hóa: “*Đó là quá trình, qua đó xã hội và văn hóa thoát khỏi sự thống trị của các định chế và biểu tượng tôn giáo*”. Và ông bao gồm cả thế tục hóa về mặt nhận thức được hiểu như hiện tượng “*Tây phương hiện đại đã sản sinh một số lượng càng ngày càng gia tăng những cá nhân hướng về thế*

giới và cuộc sống của chính họ mà không cần lợi lộc gì từ những lí giải tôn giáo⁽¹⁹⁾. Như vậy, chúng ta có thể kế thừa tư tưởng của P. Berger và một số nhà xã hội học khác (như Y. Lambert⁽²⁰⁾) bằng cách phân biệt hai ngưỡng hay hai mức độ của thế tục hóa: 1) sự độc lập của các lĩnh vực khác đối với định chế và quyền lực tôn giáo, trong khi vẫn bảo lưu các biểu tượng tôn giáo (thế tục hóa về mặt định chế) 2) loại bỏ luôn cả các biểu tượng tôn giáo (thế tục hóa về mặt biểu tượng). Trong mỗi ngưỡng, chúng ta phân biệt ba cấp độ, theo thuật ngữ của Chaves⁽²¹⁾, có thể nói: thế tục hóa ở cấp độ xã hội, ở cấp độ tổ chức và ở cấp độ cá nhân. Trong mỗi cấp độ, phải hiểu có khi hiện tượng thế tục hóa được hiểu như là quá trình, có khi là hậu quả của chính những quá trình trên.

Trước hết trên bình diện định chế ở cấp độ vĩ mô, thế tục hóa được hiểu như là quá trình phân biệt hóa định chế, các lĩnh vực thế tục tách ra, thoát khỏi những ảnh hưởng, chuẩn mực của tôn giáo. Đây là khía cạnh cốt lõi của hiện tượng thế tục hóa mà ngay những người bác bỏ lí thuyết thế tục hóa như Swatos cũng phải thừa nhận: “Nếu thế tục hóa chỉ hiểu như vậy thì không có gì phải tranh luận”⁽²²⁾. Hầu hết ở các nước phương Tây, nhà nước đều khẳng định sự độc lập đối với giáo hội, mặc dù vai trò của tôn giáo trong các nhà nước này ở các mức độ khác nhau: là một tôn giáo dân sự như ở Mỹ, hoặc gắn với một tôn giáo cụ thể nào đó như ở Anh (Anh giáo), Thụy Điển (phái Luther). Nhưng nhìn chung, hầu hết các nhà nước đều tỏ ra độc lập, không còn gắn bó với một tôn giáo hay một giáo phái nhất định. Công giáo cũng không còn là quốc giáo ở Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. ở Thụy Điển, trẻ

sơ sinh không còn tự động được xem là tín đồ của phái Luther nếu cha mẹ không đăng kí một tôn giáo khác...

Ở cấp độ trung mô, nhiều tình huống xảy ra. Nghệ thuật, truyền thông đại chúng tách ra khỏi tôn giáo. Các trường công ở Pháp không còn giáo dục về tôn giáo. Nhưng hệ thống giáo dục của các trường tư thục Công giáo ở Pháp vẫn tồn tại và chương trình giáo dục tuân theo những chuẩn mực của nhà nước.

Ở cấp độ vi mô, theo các cuộc điều tra xã hội học, cá nhân cũng càng ngày càng khẳng định sự độc lập đối với lập trường của các chức sắc giáo hội. Điều này không có nghĩa là cá nhân hoàn toàn không quan tâm đến vai trò của các chức sắc này.

Trên bình diện biểu tượng, hiện tượng thế tục hóa biểu hiện ra một cách hạn chế hơn bình diện tổ chức và định chế. Cũng cần lưu ý điều này tùy thuộc vào định nghĩa thế nào là tôn giáo.

Ở cấp độ vĩ mô, tùy theo các nhà nước, nhưng trong hiến pháp của nhiều nước không còn những quy chiếu về tôn giáo (ví dụ Pháp). Nhưng một số nước Đông Âu và Nga sau những năm 1989 lại trở lại mức độ này (ví như sự phục hồi vai trò của Chính Thống giáo Nga trong một số đơn vị quân đội, trong một số trường trung học công⁽²³⁾...; vai trò biểu trưng của tôn giáo trong lễ nhận chức tổng thống, lễ tốt

19. P. Berger. Sdd, 1967, p. 107-108.

20. Y. Lambert. *Religion in Modernity as a New Axial Age: Secularization or New Religious Forms?*, *Sociology of Religion*, Fall, 1999.

21. M. Chaves. *Secularization as declining religious authority*, *Social Forces*, 1994, 72, pp. 749-74.

22. R. Stark. *Secularization, R.I.P. (rest in peace)*, *Sociology of Religion*, Fall, 1999.

23. *Backlash of faith shakes atheists*. Amelia Gentleman in Moscow, Sunday Jan.7, 2001.

ngiệp của sinh viên... ở một số nước Đông Âu cũ).

Ở cấp độ cá nhân, có hai xu hướng đối nghịch nhau. Một mặt, tỉ lệ những người thuộc lớp trẻ cho rằng mình không có tôn giáo gia tăng và việc tin vào sự tồn tại của Thượng Đế cũng giảm. Nhưng mặt khác sự tin tưởng vào phép lạ, về đời sau vẫn ở tỉ lệ cao. Đây chính là cái mà Davie đã gọi là "tin, nhưng không thuộc về". Một phần ba những người tự cho là không tôn giáo, trong thực tế có một tin tưởng nào đó mang tính tôn giáo⁽²⁴⁾. Ở cấp độ này, cảm thức tôn giáo vẫn còn sâu đậm, bởi lẽ mỗi cá nhân đều phải đối diện với cái chết, suy nghĩ về thân phận con người, về nguồn gốc và ý nghĩa cuộc đời...

Trên bình diện tổ chức cá nhân, theo K. Dobbelaere, tính tôn giáo của cá nhân không thể được giải thích hoàn toàn bởi sự thế tục hóa của hệ thống xã hội; các yếu tố khác như cá thể hóa các quyết định, truyền thống mất đi vai trò, sự di động xã hội, tính biểu hiện và duy lợi của chủ nghĩa cá nhân cũng là những yếu tố tác động vào. Do đó việc giảm các niềm tin và sự thực hành tôn giáo có thể không được xem như là một chỉ báo duy nhất có giá trị của hiện tượng thế tục hóa của hệ thống xã hội. Tuy nhiên điều này không có nghĩa là thế tục hóa của hệ thống xã hội không có ảnh hưởng lên tính tôn giáo của cá nhân. Có thể có nhiều giả thiết về mối liên hệ giữa cấp độ vi mô và vĩ mô. Cũng có thể nghĩ đến luận điểm của Acquaviva, thế tục hóa làm nảy sinh một loại nhận thức mới, với ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông đã trở thành một hiện tượng xã hội, loại bỏ các khái niệm tiên lý luận và từ đó cái tôn giáo. Cũng có thể thấy rằng việc giáo hội mất đi một số quyền lực đã

làm suy giảm "tính khách quan" của ý thức tập thể của Kitô giáo ở phương Tây và gia tăng hiện tượng "hòa lẫn các mã tôn giáo". Một mối quan hệ khác giữa cấp độ vĩ mô và vi mô: việc tách tôn giáo ra khỏi các lãnh vực thể chất, tâm lý và xã hội đã gia tăng việc giảm niềm tin và việc đi nhà thờ. Nếu khái niệm về Chúa Trời vẫn còn tồn tại ở một số người thì quá trình xã hội hóa đã thay đổi quan niệm về Chúa Trời. Quan niệm tiêu biểu của Kitô giáo về Chúa như là một ngôi vị đã thay đổi trở thành một lực, một sức mạnh hay tinh thần trừu tượng phổ quát cũng đã làm giảm việc tín đồ gắn bó với giáo hội. Điều cần phải thấy rõ: mối quan hệ giữa các cấp độ không phải là mối tương quan nhân quả mà có tính biện chứng: việc giảm niềm tin ở mức độ cá nhân có thể sản sinh ra một quá trình thế tục hóa công khai trên bình diện vĩ mô.

Hiện tượng thế tục hóa, như quan niệm trình bày ở trên, là điều đang xảy ra ở Châu Âu và trong mức độ nào đó ở một số nước trên thế giới. Nhưng tại sao quá trình này xảy ra với quy mô nhỏ ở Mỹ - là nhà nước thường được xem là hiện đại nhất. Phải chăng Mỹ là một ngoại lệ của quá trình thế tục hóa? Như trên đã trình bày, gắn đây với những hiện tượng tôn giáo mới xuất hiện trên thế giới, với quá trình toàn cầu hóa, vấn đề tôn giáo và dân tộc lại bùng lên khi nhiều cộng đồng và cá nhân muốn khẳng định lại bản sắc của mình, nhiều tác giả đã đồng ý ngoại lệ không phải là Mỹ mà chính là các nước Châu Âu. P. Berger đã "lên bản đồ" quá trình thế tục hóa, quá trình này chỉ phổ biến ở Châu Âu và ở tầng lớp trí thức ưu tú - nhất là trong khoa học xã hội và nhân văn - chịu ảnh

24. Y. Lambert Bdd, 1999.

hưởng nền giáo dục Châu Âu. Sự khác biệt giữa Châu Âu và Mỹ trong quá trình thế tục hóa có thể do những lí do sau đây: trước hết là mối tương quan khá chặt chẽ giữa giáo hội và nhà nước ở các xã hội Châu Âu và trong bối cảnh đó giới đối lập chính trị trong xã hội thường có thái độ chống giáo hội, chống tu sĩ (anti-clerical). Thứ đến - đây là giả thuyết của P. Berger - hệ thống giáo dục phổ biến ở các nước Châu Âu là các trường công và giáo viên của các trường này là những người cổ vũ cho quá trình thế tục hóa (tách tôn giáo ra khỏi trường học). Ngược lại, hệ thống giáo dục ở Mỹ được đặt dưới quyền của các địa phương và các bậc phụ huynh học sinh có thể làm áp lực thải hồi các giáo viên phổ biến hệ tư tưởng không phù hợp với cộng đồng⁽²⁵⁾. Một yếu tố không kém phần quan trọng là tính đa dạng của đạo Tin Lành ở Mỹ, tính đa dạng cho phép cá thể hóa tôn giáo và như vậy đồng thời duy trì sự tồn tại của tôn giáo. Một vấn đề đặt ra, tính đa dạng có tất yếu dẫn đến thế tục hóa không? Câu trả lời là có thể có và có thể không. Và trường hợp của Châu Âu và Mỹ là điển hình của hai khả năng này. Các xã hội Châu Âu sau thời kì phong kiến đi vào giai đoạn dân chủ đa nguyên trong bối cảnh thường có chỉ có một tôn giáo hay một (giáo) phái trội yếu thống trị thì đã trải qua quá trình thế tục hóa mạnh mẽ (trường hợp Anh, Thụy Điển, Pháp...). Ngược lại, ở Mỹ sự đa dạng về tôn giáo đã duy trì sức mạnh của tôn giáo, vì tín đồ có nhiều lựa chọn hơn. Đây cũng là luận điểm của các nhà xã hội học theo *lí thuyết sự chọn lựa hợp lí* (RCT) đã đề cập ở trên.

Lí thuyết chọn lựa hợp lí thoát tiên xem ra có thể giải thích được sự tồn tại

của tôn giáo trong thời đại mà mọi hoạt động của con người đều bị chi phối bởi cơ chế thị trường. Nhưng lí thuyết này hiện nay đang bị phê phán ngay ở những tiền đề cơ bản của nó. Trong thực tế có nhiều loại hợp lí: loại hợp lí thực dụng do tính toán giữa mục đích và phương tiện; loại hợp lí do những giá trị chọn lựa hay loại hợp lí do các mối tương quan xã hội quy định. Trong các loại hình hợp lí này, không phải bao giờ con người cũng hành động theo sự chi phối của tính toán thực dụng. Cũng theo nhiều nhà nghiên cứu, *lí thuyết chọn lựa hợp lí* là rất "Mỹ" và có lẽ chỉ phù hợp với xã hội Mỹ, lí thuyết này có những giới hạn về mặt địa lí. Ngoài ra, như S. Bruce phê bình, lí thuyết này không giải thích được thực trạng về sự giảm sút vai trò xã hội của các tôn giáo đang diễn ra ở Châu Âu, mặc dù hiện nay Châu Âu đa dạng hơn về mặt tôn giáo so với thời kì trước Cải cách. Cuối cùng, sự độc quyền của một tôn giáo trong một xã hội nhất định không phải là nguyên nhân của hiện tượng thế tục hóa, như trường hợp các xã hội Hồi giáo đã cho thấy một xu hướng ngược lại.

Nhìn lại *lí thuyết thế tục hóa* và *lí thuyết về sự chọn lựa hợp lí* càng cho phép chúng ta khẳng định một điều: mối tương quan giữa tôn giáo và tính hiện đại là rất phức tạp, cần phải có những đánh giá chính xác hơn, trong từng trường hợp cụ thể. Điều này cũng cho thấy tính cấp thiết của những nghiên cứu đối chiếu trong lĩnh vực nghiên cứu tôn giáo./.

25. P. Berger. Reflections on the Sociology of Religion today, *Sociology of Religion*, Winter, 2001.